

*Bản án số: 06 /2021/KDTM-ST*

*Ngày: 28/4/2021.*

*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Ngân  
2. Bà Trần Lệ Nga
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2020/TLST- KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A Ch**

Hội sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh Toàn – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị Lan Anh, nhân viên xử lý nợ.

Đại diện theo văn bản ủy quyền số 107/UQ-QLN.20 ngày 18/02/2020.

**- Bị đơn: Ông Thái Gia Đ, sinh năm: 1958**

**Bà Phan Thị D, sinh năm: 1967**

Địa chỉ: số 19 Mạc Đĩnh Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*(Bà Lan Anh, ông Đ có mặt tại phiên tòa; bà D vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ngân hàng TMCP A Ch là bà Võ Thị Lan Anh trình bày:***

Ngân hàng TMCP A Ch (ACB) đã cấp tín dụng cho ông Đ bà D căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày 08/8/2018, phụ lục hợp đồng số KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018, chi tiết như sau: hạn mức cho vay 1.000.000.000 đồng, mục đích vay: sản xuất kinh doanh-bổ sung vốn lưu động kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân, lãi suất cho vay quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

ACB đã giải ngân cho ông Đ bà D bằng các khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 288887399 ngày 29/7/2019, số tiền thực tế giải ngân 190.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà D tại ACB, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 30/7/2019 đến ngày 29/01/2020. Lãi suất cho vay 12%/năm cố định trong 03 tháng, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Ngày 29/01/2020 khoản vay đáo hạn nhưng ông Đ bà D không thanh toán nợ cho ACB. Do đó tính từ ngày 30/01/2020 ACB chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/02/2020 ông Đ bà D còn nợ ACB các khoản: nợ gốc 155.000.000 đồng; lãi trong hạn 1.324.931 đồng; lãi quá hạn 1.258.685 đồng, lãi phạt chậm trả 6.897 đồng, tổng cộng: 157.590.513 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 288935019 ngày 30/7/2019 số tiền thực tế giải ngân 160.000.000 đồng, phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản của ông Đ tại ACB, thời hạn vay 6 tháng từ ngày 31/7/2019 đến ngày 30/01/2020. Lãi suất cho vay 12%/năm cố định trong 03 tháng, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Ngày 30/01/2020 khoản vay đáo hạn nhưng ông Đ bà D không thanh toán nợ cho ACB. Do đó tính từ ngày 31/01/2020 ACB chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/02/2020 ông Đ bà D còn nợ ACB các khoản: nợ gốc 160.000.000 đồng; lãi trong hạn 1.367.671 đồng; lãi quá hạn 1.230.904 đồng, lãi phạt chậm trả 6.745 đồng, tổng cộng: 162.605.320 đồng.

Khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: 19 Mạc Đình Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà D ông Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số KIG.BĐCN.120.200515 được công chứng tại phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang ngày 20/5/2015, số công chứng 4014, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 20/5/2015. Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301021193 ngày 18/12/2000, Giấy phép xây dựng số 15/GPXD do Sở xây dựng tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/3/2001.

**- Tại phiên tòa bà Võ Thị Lan Anh đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến:**

Nay Ngân hàng TMCP A Ch yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu ông Thái Gia Đ và bà Phan Thị D trả số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2021 gồm các khoản sau: Nợ gốc 315.000.000 đồng, nợ lãi trong đó trong hạn 2.692.603 đồng; lãi quá hạn 61.188.329 đồng, tổng cộng: 379.216.211 đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu ông Đ và bà D trả tiền lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ từ ngày 29/4/2021 cho đến khi tất toán hết nợ.

Nếu ông Đ bà D không trả được nợ thì yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: 19 Mạc Đình Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà D ông Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số KIG.BĐCN.120.2005515 được công chứng tại phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang ngày 20/5/2015, số công chứng 4014, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 20/5/2015. Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301021193 ngày 18/12/2000, Giấy phép xây dựng số 15/GPXD do Sở xây dựng tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/3/2001.

***\*Trong quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn là ông Thái Gia Đ và bà Phan Thị D trình bày:***

Ông cùng vợ là bà D có làm hồ sơ vay vốn tại ACB theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày 08/8/2018, phụ lục hợp đồng số

KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018, chi tiết như sau: hạn mức cho vay 1.000.000.000 đồng, mục đích vay: sản xuất kinh doanh-bổ sung vốn lưu động kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân, lãi suất cho vay quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Sau đó, ông và vợ tôi có rút vốn 02 lần ngày 29/7/2019, số tiền thực tế giải ngân 190.000.000 đồng, ông đã trả nợ gốc 35.000.000 đồng; ngày 30/7/2019 số tiền thực tế giải ngân 160.000.000 đồng. Hiện nay ông và bà D còn nợ vốn gốc là 315.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ này ông và bà D có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: 19 Mạc Đình Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24/02/2020 ông và vợ có lên Ngân hàng để xin được trả nợ và giải chấp tài sản thế chấp nhưng ngân hàng không đồng ý mà yêu cầu vợ chồng ông phải trả hết cả khoản vay nợ thế tín dụng của bà D thì mới trả tài sản thế chấp. Nhưng ông thấy việc ACB yêu cầu ông trả cả khoản nợ thế tín dụng mới trả tài sản thế chấp cho ông vì vậy đã làm ảnh hưởng đến việc xoay sở để trả nợ của ông.

**Tại phiên tòa ông Thái Gia Đ có ý kiến:**

Nay ông yêu cầu được tất toán khoản nợ gốc 315.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng còn nợ cho đến ngày 24/02/2020, không đồng ý trả tiền lãi kể từ ngày 25/02/2020. Khi ông tất toán xong nợ thì yêu cầu ngân hàng trả lại giấy tờ thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301021193 ngày 18/12/2000, Giấy phép xây dựng số 15/GPXD do Sở xây dựng tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/3/2001 (bản chính).

**\* Bị đơn bà Phan Thị D có ý kiến tại phiên hòa giải của Tòa án như sau:**

Tôi cùng chồng là ông Đ có làm hồ sơ vay vốn tại ACB theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày 08/8/2018, phụ lục hợp đồng số KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018, chi tiết như sau: hạn mức cho vay 1.000.000.000 đồng, mục đích vay: sản xuất kinh doanh-bổ sung vốn lưu động kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân, lãi suất cho vay quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất phạt

chậm trả lãi 10%/năm. Sau đó, tôi và chồng tôi có rút vốn 02 lần ngày 29/7/2019, số tiền thực tế giải ngân 190.000.000 đồng; ngày 30/7/2019 số tiền thực tế giải ngân 160.000.000 đồng. Hiện nay bà D và ông Đ còn nợ vốn gốc là 315.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này tôi và ông Đ có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: 19 Mạc Đĩnh Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bà D vắng mặt.

***\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Phan Thị D chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn cư trú tại số 19 Mạc Đĩnh Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; bị đơn là chủ hộ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh 56A 8008419 và mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 30; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phan Thị D đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP A Ch với bị đơn ông Đ bà D là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ bà D trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng số Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày

08/8/2018, phụ lục hợp đồng số KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018 và khế ước nhận nợ.

Xét Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày 08/8/2018, phụ lục hợp đồng số KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018 kèm theo 02 khế ước nhận nợ và các có chữ ký bên vay là ông Đ bà D, nội dung Đ bà D vay vốn của Ngân hàng TMCP A Ch số tiền 350.000.000 đồng. Bị đơn ông Đ bà D cũng xác nhận có vay vốn của Ngân hàng TMCP A Ch với số tiền, nội dung đúng như hợp đồng đã ký giữa hai bên và bị đơn đã nhận đủ số tiền vay.

Tuy nhiên, khi đến hạn theo Khế ước nhận nợ ông Đ bà D không thanh toán nợ nên Ngân hàng chuyển khoản vay thành nợ quá hạn là đúng nội dung Khế ước nhận nợ và hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay là đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu trả lãi của bị đơn, hội đồng xét xử thấy rằng: thời hạn cho vay đối với khế ước nhận nợ số tiền 190.000.000 đồng đến ngày 29/01/2020; thời hạn vay theo Khế ước nhận nợ 155.000.000 đồng là đến ngày 30/01/2020. Nhưng đến ngày 24/02/2020 ông Đ mới có đơn yêu cầu được thanh toán nợ, xét thấy việc thanh toán nợ là nghĩa vụ của bên vay khi đến hạn. Từ trước đến nay ông Đ bà D chưa thực hiện thanh toán nợ nên chưa có cơ sở để xem xét đến trách nhiệm của ACB không xuất trả tài sản thế chấp cho ông Đ bà D, nên ông Đ bà D vẫn phải thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán dứt nợ theo hợp đồng.

Do vậy, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn giao kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, bà D ông Đ đã nhận tiền vay thì phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay theo quy định tại các Điều 351; 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số KIG.BĐCN.120.200515 được công chứng tại phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang ngày 20/5/2015, số công chứng 4014, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 20/5/2015. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/5/2015 theo đúng quy định tại Điều 398, 317, 323, 502 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và ông Đ bà D có ký cam kết thế chấp tài sản ngày 08/8/2018. Vì vậy khi ông Đ bà D không trả được nợ trên thì ACB có quyền yêu cầu thi hành án đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng

thế chấp và cam kết thế chấp đã ký kết theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đối với ý kiến của ông Đ yêu cầu ACB trả lại tài sản thế chấp khi ông trả nợ gốc và nợ lãi như ý kiến nêu trên. Xét thấy, hiện nay ông Đ bà D cũng chưa tất toán nợ và các bên đang tranh chấp về khoản nợ phải trả nên chưa có cơ sở xem xét yêu cầu đòi lại tài sản của ông Đ.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các tình tiết, chứng cứ trong hồ sơ. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Thái Gia Đ và bà Phan Thị D có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP A Ch số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2021 gồm các khoản sau: Nợ gốc 315.000.000 đồng, nợ lãi trong đó trong hạn 2.692.603 đồng; lãi quá hạn 61.188.329 đồng; phạt chậm trả lãi 335.279 đồng, tổng cộng: 379.216.211 đồng. Ngoài ra, ông Đ bà D còn có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày 08/8/2018, phụ lục hợp đồng số KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018 và khế ước nhận nợ từ ngày 29/4/2021 cho đến khi tất toán xong nợ.

**- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án; tiền án phí bị đơn phải nộp trên số tiền phải trả là: 379.216.210 đồng x 5% = 18.960.810 đồng.

Ông Thái Gia Đ đã hơn 60 tuổi, tại phiên tòa ông Đ đề nghị được xét miễn tiền án phí nên theo quy định tại khoản 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 miễn tiền án phí cho ông Đ.

Bà Phan Thị D phải nộp tiền  $\frac{1}{2}$  án phí là: 9.480.405 đồng.

Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự sơ thẩm số 295/2020/DS-ST ngày 06/11/2020, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 30; 35; 36; 39; 91; 147; 266; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 299; 398, 317, 323, 502; 351; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A Ch về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Thái Gia Đ và bà Phan Thị D.

2. Buộc ông Thái Gia Đ và bà Phan Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A Ch số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2021 gồm các khoản sau: Nợ gốc 315.000.000 đồng, nợ lãi trong đó trong hạn 2.692.603 đồng; lãi quá hạn 61.188.329 đồng; phạt chậm trả lãi 335.279 đồng, tổng cộng: 379.216.211 đồng.

Ngoài ra, ông Đ bà D còn có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng số KIG.CN.157.250718 ngày 15/3/2017, hợp đồng tín dụng số KIG.CN.142.250718 ngày 08/8/2018, phụ lục hợp đồng số KIG.CN.142.250718/PL-01 ngày 08/8/2018 và khế ước nhận nợ từ ngày 29/4/2021 cho đến khi tất toán xong nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Thái Gia Đ và bà Phan Thị D không thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số KIG.BĐCN.120.200515 được công chứng tại phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang ngày 20/5/2015, số công chứng 4014, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 20/5/2015 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Thái Gia Đ đã hơn 60 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 xét miễn tiền án phí cho ông Đ.

Bà Phan Thị D phải nộp tiền  $\frac{1}{2}$  án phí là: 9.480.405 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật



Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH**